TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **111**/2019/HNGĐ - ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa
Ông Lý Văn Sua

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 356/2019/ HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích N – sinh năm: 1994 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Xóm C, xã Hòa T, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Anh Trần Tấn Đ – sinh năm: 1991 (xin vắng)
Địa chỉ: Ấp Cái S, xã Hòa T, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Nguyễn Bích N trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa và tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu chị N và anh Đ đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, do anh Đ nhiều lần đánh chị. Mâu thuẫn phát sinh khoảng 01 tháng nay. Hiện tại vợ chồng không sống chung khoảng 01 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con chung cháu tên Trần Ngọc L Đ, sinh ngày 26/01/2018. Hiện đang sống chung với chị, khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

**Anh Trần Tấn Đ trình bày tại biên bản hòa giải vào ngày 24/5/2019 như sau:*

- Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh Đ không đồng ý vì muốn hàn gắn sống lại với chị N do anh còn thương vợ, con.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con chung cháu tên Trần Ngọc L Đ, sinh ngày 26/01/2018. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con, anh Đ đồng ý giao con cho chị, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

Do anh Đ bận công việc không đến tham gia phiên tòa được, nên anh yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt đối với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị N tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn sống chung với nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai, cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, chị xác định cũng không còn tình cảm với anh Đ. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không về chung sống với anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ có trình bày muốn hàn gắn sống lại với chị N. Tại phiên tòa chị N trình bày chị đã cho anh Đ nhiều lần để sửa chữa, do anh Đ không thay đổi được, chị N không cho anh Đ cơ hội để hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không cùng ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đượcc. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh Đ.

[3]Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con chung tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/01/2018. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con, anh Đ đồng ý giao con cho chị N nuôi con. Anh Đ không cấp dưỡng.

Thỏa thuận phù hợp nên được chấp nhận tiếp tục giao cháu tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/01/2018 cho chị N nuôi, anh Đ không cấp dưỡng.

[4]Về tài sản chung: Vợ, chồng xác định không có.

[5]Về nợ chung, nợ riêng: Vợ, chồng xác định không có nợ ai và không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Bích N về việc xin ly hôn với anh Trần Tấn Đ**.**

Về con chung: Tiếp tục giao cháu tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/01/2018 cho chị N nuôi con, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị N phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 23/4/2019, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000010 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*